TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-12-2023
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thúy Hằng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Duy Khương**

2. Ông **Trần Minh Nhựt**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Kiều Duyên**– Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 329/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2023/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Ng đơn:* Ông **Trần Đăng Kh,** sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

* *Bị đơn:* Bà **Trịnh Thị Đ,** sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp Ph, xã M, huyện Ch, tỉnh K.

(Bà Trịnh Thị Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06-10-2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, Ng đơn ông Trần Đăng Kh trình bày: Ông và bà Trịnh Thị Đ thành lập gia đình với nhau vào năm 2000, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau vợ chồng thường xãy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống hàng ngày, không còn tìm được tiếng nói chung, thường xuyên xãy ra mâu thuẫn cải vã với nhau, nên tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nức. Hai ông, bà đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 cho đến naycho đến nay.

Nay ông Kh nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà Đ không còn, nếu tiếp tục chung sống thì cuộc hôn nhân này không không có hạnh phúc, nên ông quyết định ly hôn với bà Trịnh Thị Đ.

Qúa trình chung sống ông Kh và bà Đ có 02 người con chung: Trần Trung Ng, sinh ngày 05-9-2001 và Trần Bảo Ng2, sinh ngày 15-3-2006, từ khi vợ chồng sống ly thân với nhau cho đến nay con do ông Kh nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà ông Trần Đăng Kh có yêu cầu

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với bà Trịnh Thị Đ

- Về con chung: Con tên Trần Trung Ng, sinh ngày 05-9-2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên Trần Bảo Ng2, sinh ngày 15-3-2006, ông Kh không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung : Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25-10-2023;Biên bản hòa giải ngày 25-10-2023 và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21-11-2023 bị đơn bà Trịnh Thị Đ trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Trần Đăng Kh về hôn nhân, về nguyên nhân mâu thuẫn cũng như về con chung, về tài sản chung và nợ chung là đúng.

Nay ông Trần Đăng Kh yêu cầu xin ly hôn thì bà có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân : Đồng ý ly hôn với Trần Đăng Kh

- Về con chung: Con Trần Trung Ng, sinh ngày 05-9-2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; Đồng ý giao con Trần Bảo Ng2, sinh ngày 15-3-2006 cho ông Kh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Trịnh Thị Đ vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 06-10-2023 ông Trần Đăng Kh có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà Trịnh Thị Đ. Đây là vụ án " Tranh chấp ly hôn" theo Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang. Bị đơn Trịnh Thị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, tại phiên tòa Ng đơn thống nhất xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Đăng Kh và Trịnh Thị Đ chung sống với nhau vào năm 2000 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn là không tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân không hợp pháp, vì đã vi phạm khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng..."

Do đó không công nhận ông Trần Đăng Kh và bà Trịnh Thị Đ là vợ chồng, là phù hợp pháp luật.

[3] *Về con chung:* Ông Trần Đăng Kh và bà Trịnh Thị Đ đều xác nhận trong thời gian chung sống ông, bà có 02 con chung: Trần Trung Ng, sinh ngày 05-9-2001 và Trần Bảo Ng2, sinh ngày 15-3-2006. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Kh và bà Đ xác nhận hiện nay con Trần Trung Ng, sinh ngày 05-9-2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết; đồng thời thống nhất thỏa thuận giao con Trần Bảo Ng2, sinh ngày 15-3-2006 cho ông Kh tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận này của ông Kh và bà Đ phù hợp theo quy định tại Điều 81 của

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng phù hợp theo nguyện vọng của con, nên HĐXX ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giải thích cho ông Kh về quyền yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Bảo Ng2 cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật, nhưng ông Kh xác định không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng nuôi con và việc ông Kh không yêu cầu bà Đ phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Trần Đăng Kh và bà Trịnh Thị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Trần Đăng Kh và bà Trịnh Thị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Trần Đăng Kh là Ng đơn do đó phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần Đăng Kh và bà Trịnh Thị Đ.

2.Về con chung: Ông Trần Đăng Kh và bà Trịnh Thị Đ xác nhận hiện nay con Trần Trung Ng, sinh ngày 05-9-2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Trần Văn Kh và bà Trịnh Thị Đ giao con Trần Bảo Ng2, sinh ngày 15-3-2006 cho ông Kh trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng (phù hợp với Ng vọng của con), ông Kh không yêu cầu bà Đ chấp dưỡng nuôi con.

Bà Trịnh Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung: Ông Trần Đăng Kh và bà Trịnh Thị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Trần Đăng Kh và bà Trịnh Thị Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí: Ông Trần Đăng Kh phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng ông Kh được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0001015, ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; ông Kh không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Quyền kháng cáo: Ông Trần Đăng Kh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Trịnh Thị Đ vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.